第十課
工作與理財

Bài 10
Công tác và quản lý tài chánh

■民國三十八年政府遷臺以來，從農業時代推進到工業製造時代再發展到現在的資訊科技產業及服務業。

■由於各行各業不斷發揮創意，創造臺灣經濟奇蹟，讓民眾開始重視消費、理財與投資，也帶來活絡的經濟活動。

■「行行出狀元」表示職業沒有貴賤，只要努力，士、農、工、商，任何行業都能出人頭地。

■ Năm 1949, từ khi chính phủ dời đến Đài Loan, từ thời đại nông nghiệp thúc đẩy tiến tới thời đại chế tạo công nghiệp, càng phát triển đến ngành sản xuất khoa học kỹ thuật thông tin và dịch vụ ngày nay.

■ Bởi vì các ngành nghề không ngừng phát huy sáng kiến, sáng tạo kỳ tích cho nền kinh tế Đài Loan, khiến nhân dân để ý đến vấn đề tiêu xài, quản lý tài chánh và đầu tư phát triển cũng mang lại sức sống cho nền hoạt động kinh tế.

■ "Ngành nghề nào cũng có người tài giỏi" chứng tỏ rằng nghề nghiệp không phân biệt sang hèn, chỉ cần cố gắng, sĩ, nông, công, thương, bất cứ ngành nghề nào cũng có thể vượt trội hơn người.

■「士ㄕˋ」包ㄅㄠ括ㄍㄨㄚˋ：公ㄍㄨㄥ務ㄨˋ員ㄩㄢˊ、教ㄐㄧㄠˋ師ㄕ、軍ㄐㄩㄣ警ㄐㄧㄥˇ人ㄖㄣˊ員ㄩㄢˊ、醫ㄧ師ㄕ…… 等ㄉㄥˇ；

■「農ㄋㄨㄥˊ」包ㄅㄠ括ㄍㄨㄚˋ農ㄋㄨㄥˊ、漁ㄩˊ、牧ㄇㄨˋ業ㄧㄝˋ，如ㄖㄨˊ：農ㄋㄨㄥˊ人ㄖㄣˊ、漁ㄩˊ夫ㄈㄨ、牧ㄇㄨˋ場ㄔㄤˇ主ㄓㄨˇ人ㄖㄣˊ…… 等ㄉㄥˇ；

■「工ㄍㄨㄥ」包ㄅㄠ括ㄍㄨㄚˋ：工ㄍㄨㄥ程ㄔㄥˊ師ㄕ、水ㄕㄨㄟˇ泥ㄋㄧˊ工ㄍㄨㄥ、水ㄕㄨㄟˇ電ㄉㄧㄢˋ工ㄍㄨㄥ、保ㄅㄠˇ全ㄑㄩㄢˊ運ㄩㄣˋ鈔ㄔㄠ員ㄩㄢˊ、司ㄙ機ㄐㄧ…… 等ㄉㄥˇ；

■「商ㄕㄤ」包ㄅㄠ括ㄍㄨㄚˋ：銀ㄧㄣˊ行ㄏㄤˊ行ㄒㄧㄥˊ員ㄩㄢˊ、會ㄎㄨㄞˋ計ㄐㄧˋ師ㄕ、業ㄧㄝˋ務ㄨˋ行ㄒㄧㄥˊ銷ㄒㄧㄠ人ㄖㄣˊ員ㄩㄢˊ，餐ㄘㄢ飲ㄧㄣˇ、火ㄏㄨㄛˇ鍋ㄍㄨㄛ店ㄉㄧㄢˋ的ㄉㄜ˙廚ㄔㄨˊ師ㄕ及ㄐㄧˊ服ㄈㄨˊ務ㄨˋ生ㄕㄥ，市ㄕˋ場ㄔㄤˇ的ㄉㄜ˙攤ㄊㄢ販ㄈㄢˋ…… 等ㄉㄥˇ，

■這ㄓㄜˋ些ㄒㄧㄝ行ㄏㄤˊ業ㄧㄝˋ都ㄉㄡ需ㄒㄩ要ㄧㄠˋ勞ㄌㄠˊ心ㄒㄧㄣ勞ㄌㄠˊ力ㄌㄧˋ，在ㄗㄞˋ社ㄕㄜˋ會ㄏㄨㄟˋ上ㄕㄤˋ扮ㄅㄢˋ演ㄧㄢˇ很ㄏㄣˇ重ㄓㄨㄥˋ要ㄧㄠˋ的ㄉㄜ˙角ㄐㄧㄠˇ色ㄙㄜˋ。

- “Sĩ” bao gồm: công chức, nhà giáo, quân cảnh, nhân viên, bác sĩ v.v...;

- “Nông” bao gồm : nông, ngư, nghề nuôi súc vật như nông dân, ngư dân, chủ trại chăn nuôi v.v...;

- “Công” bao gồm : kỹ sư , thợ hồ, thợ điện nước, tài xế v.v...;

- “Thương” bao gồm : nhân viên ngân hàng, kế toán viên, nhân viên tiếp thị, nhà hàng ăn uống, đầu bếp và bồi bàn của tiệm ăn lẩu, con buôn ngoài chợ v.v...

- Những ngành nghề này cũng cần lao tâm lao lực, đóng vai trò khá quan trọng trong xã hội

■好像一部運轉的車子，每部分的零件都不可以少。所以，不論賺錢的多寡，職位的高低，各行各業都是平等的，只要努力，就能創造富裕的社會。

■當經濟生活有所提升，也要學會理財，而儲蓄是理財的第一步。儲蓄可以解決我們重要的需求，

■如：旅行、購屋、出國……等。買保險、投資金融商品，也是重要的理財方式，但是必須量力而為，不可以貪心，以免排擠到正常開支。

■ Như là một chiếc xe vận hành chẳng hạn, mỗi bộ phận linh kiện cũng không thể thiếu, cho nên bất luận kiếm tiền nhiều hay ít, chức vị cao hoặc thấp, các ngành nghề đều bình đẳng như nhau, chỉ cần cố gắng lên, đều có thể tạo dựng một xã hội giàu có.

■ Khi đời sống kinh tế được nâng cao, cần phải học biết quản lý tài chính, mà việc dành dụm là bước đầu cần làm, có để dành được tiền mới có thể giải quyết được những nhu cầu cần thiết của chúng ta.

■ Như : đi du lịch, mua nhà, xuất ngoại v.v...Mua bảo hiểm, đầu tư mua vàng bạc đá qúy cũng là một cách quản lý tài chính rất quan trọng. Nhưng cần phải liệu sức mà làm, không thể tham lam, để tránh sự chèn lấn đến chi tiêu bình thường.

■適當的消費，是理財不可少的一部分，如家庭生活費、教育投資、家庭休閒娛樂等開支。

■但要把握「當用則用，當省則省」的原則，才不會養成浪費的習慣。

■如果能從事公益活動，捐助慈善機構，除了可以淨化人心，還可以節稅，真是一舉兩得。

■理財是經濟生活中不可或缺的一環，如何儲蓄、投資、消費及從事公益活動，應該依照自己的經濟能力調整，才能讓生活不虞匱乏。

- Tiêu phí thích đáng, là một phần quan trọng không thể thiếu trong việc quản lý kinh tế, như chi tiêu cho sinh hoạt gia đình, đầu tư giáo dục, chi tiêu cho việc vui chơi giải trí gia đình.

- Nhưng phải nắm vững nguyên tắc cần xài mới xài, cần tiết kiệm nên tiết kiệm, mới không tập thành thói quen lãng phí.

- Nếu có thể tham gia hoạt động công ích, quyên góp cho cơ quan từ thiện, ngoại trừ có thể làm sạch lòng người, còn có thể tiết kiệm thuế, thực là một công hai việc.

- Quản lý tài chính là một việc làm không thể thiếu trong sinh hoạt kinh tế, làm sao dành dụm, đầu tư, tiêu phí, và hoạt động công ích, phải dựa theo khả năng kinh tế của mình mà điều chỉnh, mới làm cho sinh hoạt không lo thiếu thốn.

遷ㄑㄧㄢ 臺ㄊㄞˊ	Dời đến Đài loan
製ㄓˋ 造ㄗㄠˋ	Chế tạo
不ㄅㄨˋ 斷ㄉㄨㄢˋ	Không ngừng
經ㄐㄧㄥ 濟ㄐㄧˋ	Kinh tế
狀ㄓㄨㄤˋ 元ㄩㄢˊ	Trạng nguyên
包ㄅㄠ 括ㄍㄨㄚ	Bao gồm
軍ㄐㄩㄣ 警ㄐㄧㄥˇ	Quân cảnh
漁ㄩˊ 夫ㄈㄨ	Ngư dân
牧ㄇㄨˋ 場ㄔㄤˇ	Trại chăn nuôi
水ㄕㄨㄟˇ 泥ㄋㄧˊ	Xi măng
運ㄩㄣˋ 鈔ㄔㄠ 員ㄩㄢˊ	Nhân viên chuyển ngân
銀ㄧㄣˊ 行ㄏㄤˊ	Ngân hàng
行ㄒㄧㄥˊ 銷ㄒㄧㄠ	Tiếp thị
火ㄏㄨㄛˇ 鍋ㄍㄨㄛ	Lẩu
好ㄏㄠˇ 像ㄒㄧㄤˋ	Hình như
賺ㄓㄨㄢˋ 錢ㄑㄧㄢˊ	Kiếm tiền
富ㄈㄨˋ 裕ㄩˋ	Giàu có
儲ㄔㄨˇ 蓄ㄒㄩˋ	Dành dụm
購ㄍㄡˋ 屋ㄨ	Mua nhà

一ㄧ部ㄅㄨˋ分ㄈㄣ	Một phần nào
娛ㄩˊ樂ㄌㄜˋ	Giải trí
當ㄉㄤ省ㄕㄥˇ則ㄗㄜˊ省ㄕㄥˇ	Cần tiết kiệm nên tiết kiệm
捐ㄐㄩㄢ助ㄓㄨˋ	Quyên góp
淨ㄐㄧㄥˋ化ㄏㄨㄚˋ	Tịnh hóa – Làm sạch
節ㄐㄧㄝ稅ㄕㄨㄟˋ	Tiết kiệm thuế
不ㄅㄨˋ可ㄎㄜˇ或ㄏㄨㄛˋ缺ㄑㄩㄝ	Không thể thiếu
依ㄧ照ㄓㄠˋ	Y theo
不ㄅㄨˋ虞ㄩˊ匱ㄎㄨㄟˋ乏ㄈㄚˊ	Không lo thiếu thốn